

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2023/DS-ST

Ngày: 27/11/2023

V/v tranh chấp hội và tranh chấp
hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Luận

2. Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hội và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích P (M), sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp M (P), xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Dương Văn T, sinh năm 1965

- Bà Dương Thị Thúy O, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bà P, bà N có mặt.

Ông T, bà O có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Do có quan hệ quen biết, làm ăn với nhau nên vào năm 2018, bà N có tham gia chơi hội do bà làm chủ, bà N là hội viên. Cụ thể, bà N tham gia các dây hội:

- Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 04/8/2018 Âl, có 32 phần, bà N tham gia 02 phần, đã hót 02 phần (lần 1 kê 700.000 đồng ngày 04/01/2019, được số tiền 42.800.000 đồng; lần 2 kê 800.000 đồng ngày 04/10/2019, được số tiền 47.400.000 đồng), bà đã giao tiền hội đủ cho bà N. Sau khi hót hội, bà N đóng hội chết được đến ngày 04/7/2020Âl là 25 tháng. Từ ngày 04/8/2020Âl, bà N ngưng đóng hội chết nên còn nợ lại bà số tiền là 07 tháng x 2.000.000 đồng/tháng x 02 phần = 28.000.000 đồng. Hội đã mãn vào ngày 04/02/2021Âl.

- Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/8/2019Âl, có 33 phần, bà N tham gia 02 phần, đã hót 02 phần (lần 1 kê 700.000 đồng ngày 25/8/2019, được số tiền 39.000.000 đồng; lần 2 kê 800.000 đồng ngày 25/4/2020Âl [tháng tư nhuận], được số tiền 44.600.000 đồng), bà đã giao tiền hội đủ cho bà N. Sau khi hót hội, bà N đóng hội chết được đến ngày 25/7/2020Âl là 13 tháng (nhuần 02 tháng 4/2020). Từ ngày 25/8/2020Âl, bà N ngưng đóng hội chết nên còn nợ bà số tiền là 20 tháng x 2.000.000 đồng/tháng x 02 phần = 80.000.000 đồng. Hội đã mãn vào ngày 25/3/2022Âl.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/7/2020Âl, có 31 phần, bà N tham gia 01 phần, đã kê hót hội 400.000 đồng ngày 20/7/2020, được số tiền 17.500.000 đồng, bà đã giao tiền hội đủ cho bà N. Sau khi hót hội, bà N đóng hội chết được đến ngày 20/11/2020Âl là 04 tháng. Từ ngày 20/12/2020Âl, bà N ngưng đóng hội chết nên còn nợ bà số tiền là 27 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 27.000.000 đồng. Hội đã mãn vào ngày 20/01/2023Âl.

Ngoài ra, giữa bà và bà N có làm ăn mua bán chanh. Do bà N còn nợ tiền chanh nên ngày 20/10/2017Âl, bà N hót dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 20/10/2017Âl, được số tiền 32.250.000 đồng và hót dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 20/4/2018Âl được số tiền 26.250.000 đồng. Tổng cộng là 58.500.000 đồng. Số tiền này bà N trừ vào số tiền mua bán chanh còn nợ 83.900.000 đồng nên còn nợ lại bà số tiền là 25.400.000 đồng.

Tổng cộng tiền nợ hội và tiền mua bán chanh bà N còn nợ bà số tiền là 160.400.000 đồng.

Bà N chơi hội, mua bán chanh làm ăn, phát triển kinh tế gia đình nên bà yêu cầu ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả số tiền nợ 160.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Trịnh Thị N trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Bích P làm chủ hụi (trong danh sách hụi viên là 8 T). Cụ thể:

- Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 04/8/2018 Âl, có 32 phần, bà tham gia 02 phần, đã hót 02 phần (lần 1 kê 700.000 đồng ngày 04/01/2019, được số tiền 42.800.000 đồng; lần 2 kê 800.000 đồng ngày 04/10/2019, được số tiền 47.400.000 đồng), bà đã nhận đủ tiền do bà P giao. Sau khi hót hụi, bà đóng tiền hụi chết cho bà P đầy đủ đến khi mãn hụi nên không còn nợ tiền hụi bà P.

- Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/8/2019Âl, có 33 phần, bà tham gia 02 phần, đã hót 02 phần (lần 1 kê 700.000 đồng ngày 25/8/2019, được số tiền 39.000.000 đồng; lần 2 kê 800.000 đồng ngày 25/4/2020Al [tháng tư nhuận], được số tiền 44.600.000 đồng), bà đã nhận đủ tiền do bà P giao. Sau khi hót hụi, bà đóng tiền hụi chết cho bà P đầy đủ đến khi mãn hụi nên không còn nợ tiền hụi bà P.

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/7/2020Âl, hụi có 31 phần, bà tham gia 01 phần, bà đã kê hót hụi 400.000 đồng ngày 20/7/2020, được số tiền 17.500.000 đồng, bà đã nhận đủ tiền do bà P giao. Sau khi hót hụi, bà đóng tiền hụi chết cho bà P đầy đủ và còn nợ 01 tháng cuối là ngày 20/01/2023Al (ngày mãn hụi) nên không còn nợ.

Các phần phần hụi chết nêu trên hàng tháng bà P đến nhà bà gom tiền hụi nhưng không có làm biên bản giao nhận tiền, không có ai chứng kiến bà giao tiền hụi chết cho bà P. Riêng phần hụi 1.000.000 đồng, do bà bị bệnh Covid nên bà có gửi tiền cho bà Trịnh Thị N1 đóng tiền hụi chết cho bà P thay bà 01 tháng; Gửi cho bà Nguyễn Thị Lê N đóng tiền hụi chết 1.000.000 đồng/tháng cho bà P thay bà 03 tháng; Gửi cho bà Bùi Thị Đ đóng tiền hụi chết 1.000.000 đồng/tháng cho bà P thay bà 03 tháng.

Đối với số tiền nợ mua bán chanh 25.400.000 đồng bà có nợ bà P nhưng khi hót hụi bà P đã trừ vào tiền nợ mua bán chanh nên không còn nợ số tiền này.

Đối với yêu cầu của bà P yêu cầu ông Dương Văn T là chồng của bà có trách nhiệm liên đới cùng bà trả nợ, bà không đồng ý. Bà tham gia chơi hụi, mua bán chanh ông T có biết nhưng ông T bị bệnh nên toàn bộ chi phí sinh hoạt trong gia đình do bà đi làm và lo các chi phí này từ xưa đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không có lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Thúy O có yêu cầu giải quyết vắng nhưng có lời khai:

Bà có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Bích P làm chủ hụi. Bà tham gia 01 dây, 02 phần, hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 04/11/2019, hụi đã mãn, bà

đã đóng hui xong nhưng bà P chưa giao tiền hui cho bà. Khi mãn hui, bà P viết 01 giấy chốt tiền nợ hui giao cho bà nhưng không có ký tên. Trước đây, bà P có đọc cho bà ghi giấy chốt tiền nợ (nhưng không biết nợ hui hay nợ vay) giữa bà P với bà N và yêu cầu bà ký tên vào giấy. Đây là tiền nợ giữa bà P với bà N không liên quan gì đến tiền hui của bà nên bà không đồng ý ký tên. Giấy ghi bà N nợ bà P bao nhiêu tiền, tiền gì thì bà không nhớ do đã quá lâu. Giấy ghi nợ này hiện nay không còn, do không có liên quan đến bà nên bà đã bỏ. Mục đích bà P yêu cầu bà ghi giấy nợ là để cản trừ tiền bà P nợ hui của bà trừ vào tiền bà N nợ hui của bà P, nếu cản trừ như vậy bà P không phải trả tiền nợ hui cho bà.

Bà P cho rằng bà và bà N đến nhà bà P mượn giấy chốt tiền nợ hui giữa bà P với bà N đã ghi trước đó, bỏ vào giỏ mang đi là không đúng. Bà không có lấy giấy tờ chốt tiền nợ hui nào giữa bà P với bà N.

Tiền nợ hui của bà với bà P và tiền nợ hui của bà N với bà P không liên quan gì với nhau do bà và bà N chơi hui riêng với bà P. Bà không có tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết gì trong vụ án nên trên, bà sẽ khởi kiện bà P bằng một vụ kiện khác để yêu cầu bà P trả tiền nợ dây hui ngày 04/11/2019.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích P đối với bà Trịnh Thị N, ông Dương Văn T về việc tranh chấp hui và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc bà Trịnh Thị N, ông Dương Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền nợ tổng cộng là 156.400.000 đồng. Ghi nhận bà P không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu bà N, ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích P khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị N, ông Dương Văn T, cùng cư trú tại ấp X, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hui và tiền mua bán chanh là vụ án dân sự thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Dương Văn T, bà Dương Thị Thúy O có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà O là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Bà P yêu cầu bà N, ông T có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ các dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 04/8/2018Âl là 28.000.000 đồng; Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/8/2019Âl là 80.000.000 đồng; Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/7/2020Âl là 27.000.000 đồng và tiền mua bán chanh còn nợ là 25.400.000 đồng. Tổng cộng là 160.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[2.1] Chứng cứ bà P cung cấp là các danh sách hội viên thể hiện bà N có tham gia chơi các dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 04/8/2018Âl; Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/8/2019Âl; Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/7/2020Âl do bà P làm chủ hội. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà N thừa nhận có tham gia chơi hội, hót hội các phần hội nêu trên như bà P trình bày là đúng. Sự thừa nhận của bà P, bà N là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà P cho rằng, sau khi bà N hót hội bà đã giao đủ tiền cho bà N nhưng bà N ngưng không đóng tiền hội chết cho bà. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà N, ông T trả nợ nhưng bà N, ông T không thực hiện nên phát sinh tranh chấp. Còn bà N cho rằng, sau khi hót hội bà đã đóng tiền hội chết đầy đủ nên không còn nợ tiền hội bà P. Tuy nhiên, bà P không thừa nhận việc bà N đã đóng tiền hội chết đầy đủ cho bà P đến khi mãn hội. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà N cũng xác định bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bà đã đóng tiền hội chết đầy đủ cho bà P nên không có cơ sở xem xét. Hơn nữa, theo lời khai của người làm chứng cho bà N là bà Bùi Thị Đ xác định “bà N có gửi cho bà 03 lần tiền, mỗi lần 1.000.000 đồng để nhờ bà đưa tiền cho bà P nhưng không nói là gửi tiền gì, có phải là tiền bà N đóng tiền hội cho bà P hay không thì bà không biết”. Còn bà Trịnh Thị N1 khai bà N có nhờ bà đóng tiền hội cho bà P 1.000.000 đồng nhưng đóng cho bà N phần hội nào thì bà không biết. Bà P cũng không thừa nhận có nhận tiền hội do bà Đ, bà N1 đóng thay cho bà N và bà N cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh nên không được chấp nhận. Như vậy, có căn cứ xác định bà N còn nợ tiền hội bà P. Tại tòa, bà P thừa nhận sau khi mãn hội bà N có trả cho bà được số tiền hội 4.000.000 đồng. Bà P đồng ý trừ số tiền này, sau khi cần trừ bà N còn nợ bà P số tiền hội là 131.000.000 đồng. Do hội đã mãn, bà N hót hội nhưng không đóng tiền hội chết cho bà P đầy đủ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P nên bà P yêu cầu bà N trả số tiền nợ hội 131.000.000

đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà P phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[2.2] Đối số với tiền nợ mua bán chanh 25.400.000 đồng. Bà P cho rằng, bà N có nợ bà số tiền mua bán chanh tổng cộng bà 83.900.000 đồng. Bà N đã hốt của bà 02 phần hụi được số tiền tổng cộng là 58.500.000 đồng. Sau khi cần trừ, bà N còn nợ lại 25.400.000 đồng. Xét chứng cứ bà P cung cấp là giấy viết tay có nội dung “thiếu tiền hụi 25.400.000 đồng” và bà N có ký tên xác nhận. Bà N thừa nhận giữa bà và bà P có mua bán chanh qua lại, bà có viết giấy tay và ký tên xác nhận nội dung “thiếu tiền hụi 25.400.000 đồng” và đã trả nợ cho bà P xong nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Như vậy, có căn cứ xác định bà N còn nợ bà P số tiền mua bán chanh là 25.400.000 đồng nên bà P yêu cầu bà N có trách nhiệm trả số tiền nêu trên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm liên đới: Bà P yêu cầu ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả nợ. Bà N thừa nhận việc bà chơi hụi, mua bán chanh cùng bà P thì ông T có biết. Tuy nhiên, ông T bị bệnh, toàn bộ chi phí sinh hoạt trong gia đình do bà đi làm và lo các chi phí này nên bà không đồng ý liên đới cùng ông T trả nợ. Xét thấy, bà N và ông T là vợ chồng hợp pháp, sống chung nhà, các chi phí sinh hoạt trong gia đình do bà N chi trả. Ông T có biết việc bà N tham gia chơi hụi và mua bán chanh với bà P. Như vậy, có căn cứ xác định bà N tham gia chơi hụi, mua bán chanh có thu nhập nhằm mục đích phục vụ chung cho sinh hoạt trong gia đình. Vì vậy, căn cứ vào Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình cần buộc ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả tiền nợ cho bà P là phù hợp.

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà N, ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền nợ tổng cộng là 156.400.000 đồng (gồm tiền nợ hụi là 131.000.000 đồng và tiền nợ mua bán chanh là 25.400.000 đồng). Bà P không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên nên ghi nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu bà N, ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 4.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên bà N, ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật với số tiền là $156.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.820.000 \text{đ}$ (Bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên bà P không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà P.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 271, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số: 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biểu, phường; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích P đối với bà Trịnh Thị N, ông Dương Văn T về việc tranh chấp hộ và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc bà Trịnh Thị N, ông Dương Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền nợ tổng cộng là 156.400.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ hộ là 131.000.000đ (Một trăm ba mươi một triệu đồng) và tiền nợ mua bán chanh là 25.400.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Bích P không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích P về việc yêu cầu bà Trịnh Thị N, ông Dương Văn T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị N, ông Dương Văn T phải liên đới chịu số tiền là 7.820.000đ (Bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích P số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 4.010.000đ (Bốn triệu không trăm mười nghìn đồng) mà bà đã nộp theo các biên lai thu số 0000015 ngày 28/12/2022 và số 0000194 ngày 15/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang